| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 875/2023/HS-PT
Ngày 22 tháng 11 năm 2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tửu

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 533/2023/TLPT-HS, ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Trần Ngọc H và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 357/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

*- Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Trần Ngọc H, sinh năm 1988 tại tỉnh Quảng Nam; Đăng ký thường trú: xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Ô B lô E, đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Thợ sửa máy photocopy; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Trần Ngọc V, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950; Tiền án: không, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 25/3/2022, chuyển tạm giam từ ngày 03/4/2022 cho đến nay, (có mặt).

2. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1948 tại tỉnh Đồng Nai; Đăng ký thường trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Số A L, Ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Văn V1 (chết) và bà Nguyễn Thị P (chết); Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm

1953; Von: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1984; Tiền án: không, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 626/HSPT ngày 22/11/1986 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 14 năm tù về tội "Tổ chức cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài" và tội "Đưa hối lộ", đến ngày 29/6/1989 thì trốn khỏi trại giam; Tại Bản án số 1579/HS-PT ngày 19/10/1996 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" và tội "Trốn khỏi nơi giam", tổng hợp với hình phạt 09 năm 05 tháng tù chưa chấp hành của Bản án trước (do bị cáo trốn khỏi nơi giam) buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 12 năm 5 tháng tù; Ngày 26/8/2004 chấp hành xong hình phạt tù; Bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 15/02/2022 cho đến nay, (có mặt).

3. Trần Văn H1, sinh năm 1971 tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị H2 (chết); Vợ: Nguyễn Thị Bé H3, sinh năm 1966 (đã ly hôn); Vợ: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1981; Con: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 25/3/2022, chuyển tạm giam từ ngày 03/4/2022 cho đến nay, (có mặt).

4. Bùi Thị T1, sinh năm 1964 tại tỉnh Nam Định; Đăng ký thường trú: Số E P, Khu phố D, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Viết H4 (chết) và bà Vũ Thị T2, sinh năm 1933; Chồng: Hoàng Văn L1, sinh năm 1956 (đã ly hôn); Con: có 02 người con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2022 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn H1:* Luật sư Trần Thanh P1 – Đoàn luật sư Thành phố H, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị T1:* Luật sư Lê Văn S - Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, (có mặt).

*(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Trần Vũ K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thị Như H5 và Phan Thị Diệu L2 không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị nên Tòa không triệu tập).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trần Ngọc H làm nghề sửa máy photocopy, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên H đã nảy sinh ý định làm tiền giả bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Thực hiện ý định trên, H mua máy photo có chức năng in màu, giấy plastic A4+ và nhiều dụng cụ khác phục vụ cho việc làm tiền giả. Cách thức làm tiền giả là cắt giấy plastic A4+ chỉnh sửa lại đúng với khổ giấy A4 để máy chạy được. H lấy tờ tiền thật photo trắng đen chỉnh độ mực cho ra tờ tiền đen để cắt lấy 02 cửa sổ to và nhỏ của tờ tiền, sau đó dán lại vào tờ A4 và photo lại lần nữa sẽ cho ra tờ giấy trắng có 02 cửa sổ to và nhỏ. Sau đó, dùng hình ảnh của Bác H6 ở mặt trước của tờ tiền photo zoom nhỏ lại cho phù hợp với kích thước của hình ảnh chìm của Bác H6 ở tờ tiền và cắt dán vào tờ giấy A4 có 02 cửa sổ to và nhỏ trên để photo ra một tờ A4 có đủ 02 cửa sổ và ảnh Bác H6 chìm. Làm xong công đoạn trên, dùng tờ giấy plastic (giấy plastic được dán vô một bìa giấy cứng để máy chạy không bị cuộn) để photo phủ mực trắng lên sẽ cho ra tờ giấy plastic có ảnh Bác H6 chìm, 02 cửa sổ lúc này thì tờ plastic đã được phủ mực trắng có ảnh chìm và 02 cửa sổ. Sau đó, đem sang máy photo màu, dùng tờ tiền Việt Nam thật để photo màu trên nền giấy plastic sẽ được mặt trước của tờ tiền. Mặt sau chỉ cần photo màu mặt sau của tờ tiền thật trên tờ P3 đã in mặt trước. Hoàn chỉnh tiền thì lấy xăng thơm phun cho mực bền và đem phơi một lúc là thành phẩm tiền giả; tiền giả loại mệnh giá 5.000 đồng H chỉ cần lấy tờ tiền thật photo màu trên giấy A4 là được. Đối với tiền nước ngoài H cũng photo sau đó dán tem chống giả vào. Với cách thức như trên, trong khoản thời gian từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 H đã làm, tàng trữ và bán tiền giả cho các đối tượng sau:

** Hành vi phạm tội của Bùi Thị T1:*

Trần Ngọc H và Bùi Thị T1 có quan hệ tình cảm với nhau, đến năm 2020, H thường xuyên đến ở tại nhà của T thuộc khu phố A, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Đến khoảng tháng 4/2021, H mang đến nhà T1 03 máy photocopy, 01 máy in màu. Sau đó vài ngày, T1 thấy H làm tiền giả loại mệnh giá 5.000 đồng tại nhà của mình nhưng không ngăn cản. Khi làm được khoảng 500.000 đồng, H dùng dao rọc giấy và thước để cắt từng tờ tiền ra, sắp thành một cọc tiền, buộc lại bằng dây thun rồi để trên đầu giường ngủ của T1 và nói với T1 lấy tiền đó tiêu xài. Sau đó, H lấy khoảng 400.000 đồng mang về Thành Phố Hồ Chí Minh. Số còn lại, T1 sử dụng 03 tờ để mua rau muống của một người bán hàng rong tại khu vực chợ thị xã L thuộc phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Sau khi sử dụng thành công 03 tờ tiền giả 5.000 đồng, T1 thấy có lỗi nên tự ý đem đốt số tiền giả còn lại.

Đến khoảng giữa tháng 01/2022, H mang 45.000.000 đồng tiền giả, mệnh giá 500.000 đồng, đây là số tiền H làm giả ở số nhà B, đường số H, phường B, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh về để trên đầu giường ngủ của T1 và nhờ T1 cất giùm. Sau đó, T1 đem bỏ vào két sắt trong phòng ngủ. Vài ngày sau, T1 lấy xấp tiền giả trên đem ra bỏ vào cái chum bằng đất nung đốt bỏ.

** Hành vi phạm tội của Huỳnh Văn Đ:*

Huỳnh Văn Đ quen biết với Trần Ngọc H từ năm 2018 trong quá trình môi giới, mua bán bất động sản, đồ phong thủy, đồ xây dựng trên mạng Internet.

Khoảng tháng 9/2021, Hoàng liên l với Đ bằng số điện thoại 0917.266.903 và Z "Hà Thanh" nói cho Đ biết là có chai nước hủy sắt giá khoảng 20 tỷ đồng kêu Đ ra nhà của H ở khu vực cầu L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để trao đổi mua bán. Sau đó vài ngày, Đ đi xe môtô đến căn nhà thuê của H ở ấp H, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai gặp H. Sau khi thỏa thuận, Đ đồng ý mua chai nước hủy sắt và quay trở về Thành phố Hồ Chí Minh để gom tiền. Vài ngày sau, Đ tiếp tục đến nhà của H và đặt cọc cho H 300.000.000 đồng, H hẹn vài ngày sau sẽ giao cho Đ, Đ quay trở về Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 01 tuần sau, Đ quay trở ra nhà của H để lấy chai nước hủy sắt thì H đã trả nhà thuê và dọn đồ đi hết. Đ gọi điện cho H thì H nói chưa có nên Đ đòi tiền cọc 300.000.000 đồng lại nhưng H cố tình lẩn tránh. Khoảng 01 tháng sau, Đ tìm gặp được H tại căn nhà của H thuê ở địa chỉ số B, đường số H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Đ tiếp tục đòi tiền cọc lại nhưng H không đưa mà hẹn sẽ giao nước hủy sắt sau. Tại đây, H đưa cho Đ một giỏ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng, H nói đây là tiền giả do H làm ra nhưng bị lỗi kêu Đ đem về có xài được thì xài, Đ đồng ý nhận và mang về cất giữ tại phòng trọ thuộc nhà trọ Anh M, số A L, ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến khoảng cuối năm 2021, H giới thiệu cho Đ biết là H làm ra được tiền giả đẹp hơn số tiền giả lần trước và bán với tỷ lệ 1/10, Đ đồng ý mua 220.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng với giá tiền là 22.000.000 đồng tiền thật, nhưng khi giao tiền thì H có cho thêm Đ, số tiền giả này Đ tiếp tục mang về cất giữ tại phòng trọ của mình.

Khoảng trước Tết Nguyên đán năm 2022, H cho Đ khoảng vài chục xấp tiền giả, loại mệnh giá 5.000 đồng, H nói với Đ là cho về để dành lì xì tết, Đ không đếm cụ thể là bao nhiêu mà tiếp tục mang về cất giữ tại phòng trọ của mình.

Đến ngày 04/02/2022, Đ lấy số tiền giả mua của H bỏ vào cốp xe HONDA LEAD, biển kiểm soát 20M8-4335 và mang theo bên người để đi tiêu thụ dọc theo tuyến đường từ Thành phố Hồ Chí Minh về các tỉnh Long An, Tiền Giang. Khi về đến tỉnh Bến Tre, Đ chở theo Trần Thu N1 và bé Trần Gia H7 đến tiệm tạp hóa của bà Trần Thị Như H5 ở ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre mua một số hàng hóa gồm: sữa, bia, nước đá, nước ngọt, sữa tắm, đường cát, bột ngọt, bột giặt với giá 784.000 đồng. Đực sử dụng 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng thanh toán cho bà H5 và nhanh chóng rời đi. Bà H5 kiểm tra các tờ tiền nêu trên nghi là tiền giả nên trình báo Công an xã G và giao nộp 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng nghi giả, đồng thời kể lại sự việc trên cho anh Huỳnh Thanh P2 biết. Đến ngày 05/02/2022, anh P2 phát hiện nên cùng quần chúng nhân dân giữ người và phương tiện của Đ lại và báo cơ quan có thẩm quyền xử lý. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B tiến hành khám xét và bắt khẩn cấp Huỳnh Văn Đ. Đ khai nhận số tiền trên là tiền giả và mua từ H. Tổng số tiền giả Đ tiêu thụ được khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Tiến hành khám xét phòng trọ của Đ thuộc nhà trọ Anh M, số A L, ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện nhiều tiền Việt Nam và ngoại tệ nghi là tiền giả. Huỳnh Văn Đ thừa nhận số tiền Việt Nam là tiền giả do H cho. Đối với số tiền ngoại tệ giả, Đ khai do một người có tên gọi Tư H8 (không rõ họ tên, địa chỉ) cho cách nay khoảng 05 năm, Đ cất giữ để làm mẫu giới thiệu và bán lại cho những người có nhu cầu mua tiền cổ, tiền nước ngoài.

** Hành vi phạm tội của Trần Văn H1:*

Khoảng cuối năm 2021, Trần Ngọc H gọi điện rủ H1 lên căn nhà của H thuê tại địa chỉ số B, đường số H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để phụ H làm tiền giả. Hên ở lại đây nhưng không có phụ với H làm tiền giả, trước khi về H có cho H1 240 tờ tiền Campuchia giả mệnh giá 50.000 Riel, H nói đây là tiền giả do H làm ra và kêu Hên cất đi có xài được thì xài, H1 đồng ý nhận, cất giữ và mang theo bên người.

Đến khoảng đầu tháng 3/2022, H tiếp tục gọi điện cho H1 để lên căn nhà của H thuê tại Ô B lô A đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để bàn chuyện buôn bán máy móc của H. Tại đây, H có cho H1 01 thùng carton bên trong có chứa nhiều tờ giấy A4, mỗi tờ có 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng và nói đây là tiền do Hoàng p bị lỗi nên cho H1 đem về cắt ra có xài được thì xài. Hên đồng ý nhận nhưng không có kiểm đếm số lượng là bao nhiêu, sau đó đưa cho con trai là Trần Vũ K cất giữ. H1 nói với K đem về cắt ra thành tờ tiền giúp H1 khi nào Hên cần thì sẽ nhận lại. Sau đó, K có gọi điện thoại cho H1 và nói các tờ tiền bị lỗi rất nhiều, hai mặt không trùng khớp với nhau, màu sắc không giống tiền thật nói đem đi đốt bỏ, H1 đồng ý.

Trong thời gian ở chung tại nhà của H tại Ô B lô A đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, H1 có đặt mua của H 400.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 500.000 đồng với giá 40.000.000 đồng tiền thật, trong khi chờ H làm tiền giả thì H1 có tham gia phụ H làm tiền giả ở một số công đoạn như: phun hóa chất, phơi tiền, so sánh giữa tiền thật và tiền giả. Tuy nhiên, do mắt kém nên H1 không phụ H nhiều trong việc làm tiền giả. Đến khoảng giữa tháng 3/2022 thì H làm xong và giao tiền cho H1, H1 trả trước cho H 10.000.000 đồng tiền thật, còn lại 30.000.000 đồng thì ngày hôm sau H1 chuyển cho H qua cửa hàng V2 thông qua số điện thoại và số chứng minh nhân dân của vợ H là Lý Thị Na R. Sau khi có tiền giả, H1 gửi cho Trần Vũ K cất giữ khoảng 300.000.000 đồng, khai bán cho chị Phạm Minh N2 60.000.000 đồng với giá 13.500.000 đồng tiền thật. Số còn lại cất giữ tại nhà trọ của H. Ngày 24/3/2022, Trần Văn H1 lấy 35 tờ tiền giả, mệnh giá 500.000 đồng cất giữ trong người và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67N6-3921 đến khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để tiêu thu. Tại đây, H1 mua bánh của bà Phan Diệu L2 với giá 25.000 đồng, H1 sử dụng tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để thanh toán và được bà L2 thối lại 475.000 đồng tiền thật, khi H1 đi khoảng 100 mét thì bà L2 phát hiện là tiền giả nên tri hô và cùng quần chúng nhân dân bắt quả tang.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của H1 thu giữ nhiều tiền Việt Nam và tiền Riel C nghi là giả. Hên thừa nhận đây là tiền giả, có nguồn gốc từ việc mua và H cho. Riêng 02 tờ tiền 2 USD H1 không biết là tiền giả và ai đã cho H1.

** Hành vi phạm tội của Trần Vũ K:*

Khoảng giữa tháng 3/2022, Trần Văn H1 là cha ruột của K trực tiếp đem khoảng 300.000.000 đồng tiền giả xuống thành phố T và gọi điện cho K ra lấy mang về cất giữ tại nhà trọ Số 178/57/14, Tổ F, Khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình kiểm đếm, K phát hiện có một số tờ tiền giả quá xấu không thể xài được nên đem đi đốt bỏ, cụ thể đã đốt bao nhiêu tờ tiền giả K không nhớ rõ. Số tiền còn lại, Cơ quan An ninh điều tra tiến hành khám xét và thu giữ là 451 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Ngoài ra, trước đó H1 đã gọi điện thoại cho K lên thị trấn L, tỉnh Bình Dương nhận 01 thùng carton có chứa nhiều tờ giấy A4, mỗi tờ có 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng về cất giùm. H1 nói với K đem về cắt ra thành tờ tiền giúp H1 khi nào Hên cần thì sẽ nhận lại. Sau đó, K đem thùng tiền giả về cất giữ tại nhà trọ, đồng thời mua dao rọc giấy về để cắt thành tờ tiền. Khi K mở thùng tiền ra để cắt, qua kiểm tra thì thấy các tờ tiền bị lỗi rất nhiều, hai mặt không trùng khớp với nhau, màu sắc không giống tiền thật nên K gọi điện nói cho H1 biết là tiền này không sử dụng được và nói đem đi đốt bỏ, H1 đồng ý và K đã đốt bỏ.

Vật chứng thu giữ:

** Thu giữ của bị can Huỳnh Văn Đ:*

+ 01 tờ tiền Campuchia, mệnh giá 50.000, số sê ri 4844967.

+ 01 tờ tiền Campuchia giả, mệnh giá 50.000, số sê ri 1598431.

+ 02 tờ tiền Campuchia giả, mệnh giá 50.000, cùng số sê ri 1148384.

+ 03 tờ tiền Campuchia giả, mệnh giá 50.000, cùng số sê ri 7717236.

+ 01 tờ tiền Campuchia giả, mệnh giá 50.000, số sê ri 1662579.

+ 01 tờ tiền Campuchia giả, mệnh giá 50.000, số sê ri 9444328.

+ 02 tờ tiền đô la Mỹ giả, mệnh giá 02 đô la, cùng số sê ri I16658301A.

+ 01 tờ tiền đô la Mỹ giả, mệnh giá 100 đô la, số sê ri LB 58245815P.

+ 01 tờ tiền đô la Mỹ, mệnh giá 100 đô la, số sê ri MB 35886615S.

+ 01 tờ tiền đô la Mỹ, mệnh giá 100 đô la, số sê ri MB 35886614S.

+ 01 tờ tiền Venezuela, mệnh giá 100, số sê ri F54925109.

+ 01 tờ tiền Bắc Triều Tiên, mệnh giá 5.000 số sê ri 0034143.

+ 01 tờ tiền Bắc Triều Tiên, mệnh giá 5.000 số sê ri 2592535.

+ 01 tờ tiền Zimbabwe, mệnh giá 5.000.000.000.000.000.000.000.000.000, số sê ri AA0073904.

+ 01 tờ tiền nước ngoài, mệnh giá 2.000, số sê ri WH989862.

+ 01 tờ tiền Campuchia, mệnh giá 1.000 năm 2016, số sê ri 5605405.

+ 01 tờ tiền Campuchia, mệnh giá 20.000 năm 2017, số sê ri 1174491.

+ 06 tờ tiền nước ngoài (không rõ nước nào), mệnh giá 500.000.000, có số sê ri lần lượt là: SM275879, SM275880, SM275881, SM275882, SM275883, SM275884.

+ 200 tờ tiền Campuchia giả, mệnh giá 50.000.

+ 100 tờ tiền Nhật Bản giả, mệnh giá 10.000 yên (có phục lục số 01 kèm theo).

+ 321 tờ tiền Việt Nam giả, mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri lần lượt: ZW 18150481 (77 tờ), DY 17282504 (77 tờ), NI 19547862 (82 tờ), TX 15520645 (85 tờ).

+ 326 tờ tiền Việt Nam giả, mệnh giá 200.000 đồng, có số sê-ri lần lượt: KG 16795530 (80 tờ), PZ 19373429 (87 tờ), PT 13401615 (80 tờ), TR 14093462 (79 tờ).

+ 01 tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng, số sê-ri NI 19547862.

+ 09 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 34 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 46 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 30 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 18 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 20 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 05 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 05 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng.

+ 01 tờ giấy cứng màu đen, hoa văn màu vàng, có kích thước, đặc điểm giống tờ 100 đô la số sê ri GOLD99999999.

+ 12 tờ giấy bạc màu đen có đặc điểm giống đặc điểm tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 đô la nhưng hình ảnh không rõ nét.

+ 200 tờ tiền màu đen có các chi tiết giống tiền 100 đô la Mỹ.

+ 03 tờ giấy trắng trong, kích thước bằng tờ tiền, ghi số 500.000.000 ở bốn góc.

+ 61 tờ giấy màu đen kích thước giống tờ tiền.

*- T3 trong khám xét khẩn cấp phòng số 03 nhà trọ Anh Mỹ số A ấp B, xã N, huyện N, TP .*:

+ 1.262 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri lần lượt: AY 15445690 (35 tờ), SL 18175660 (73 tờ), KM 18558780 (75 tờ), JV 17027630 (50 tờ), NI 19547862 (48 tờ), AN 17936832 (06 tờ), GU 17274312 (69 tờ), ZW 18150481 (51 tờ), OD 18555273 (24 tờ), UL 18695263 (104 tờ), FY 15293694 (115 tờ), PV 14296394 (121 tờ), DY 17282504 (50 tờ), VO 19924385 (51 tờ), TX A (52 tờ), ZV 18430797 (72 tờ), OY 12476638 (57 tờ), NF 16580268 (116 tờ), LE 18989188 (37 tờ).

+ 893 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, có số sê-ri lần lượt: PZ 19373429 (183 tờ), KG 16795530 (238 tờ), TR 14093462 (247 tờ), PT 13401615 (224 tờ), CB 21104404 (01 tờ).

+ 3.451 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng, có số sê-ri lần lượt: QG 2356879 (473 tờ), UZ 2329737 (654 tờ), XK 2721844 (494 tờ), HI 6446242 (786 tờ), IJ 3744232 (522 tờ), XP 8490001 (522 tờ).

+ 806 tờ tiền Campuchia mệnh giá 50.000, có số sê-ri lần lượt: 9444328 (805 tờ), 7717236 (01 tờ).

+ 16 tờ tiền Mỹ mệnh giá 2 USD, có số sê-ri lần lượt: B 48351604 A (04 tờ), B 14197837 A (05 tờ), I 16658301 A (02 tờ), F 27904366 A (05 tờ).

+ 2.807 tờ tiền Nhật Bản mệnh giá 10.000 (có phụ lục số 02 kèm theo).

+ 800 tờ tiền Bắc Triều T4 mệnh giá 200 (có phụ lục số 03 kèm theo).

+ 800 tờ tiền Uzbekistan mệnh giá 500 (có phụ lục số 04 kèm theo).

+ 1791 tờ giấy bạc màu đen có đặc điểm giống tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 đô la, được để bên trong túi vải màu đen "OWEN".

+ 727 tờ giấy màu đen có kích thước giống tờ tiền.

Ngoài ra còn thu giữ của Huỳnh Văn Đ một số tài sản và giấy tờ khác.

** Thu giữ của Trần Ngọc H:*

*- T3 trong quá trình khám xét khẩn cấp tại nhà ô B lô A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương*:

+ 03 tờ nhựa kích cỡ giấy A4 in hai mặt tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000đ. Mỗi tờ nhựa in 04 tờ tiền (in màu) số sêri lần lượt là: UL18695263, FY15293694, NF16580268, PV14296394, UL18695263, FY15293694, NF16580268, PV14296394, UL18695263, FY15293694, NF16580268, PV14296394.

+ 01 (một) tờ giấy A4 in màu mặt sau tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ.

+ 01 (một) phong bì ghi người gửi "L T, P. P, Q. T SĐT 0348916641".

+ 01 cái bao, bên trong có: 01 (một) tờ giấy in màu tờ tiền 50.000đ số sêri QZ19494673; 33 (ba mươi ba) tờ giấy in trắng đen tờ tiền mệnh giá 200.000đ; 01 (một) tờ giấy trắng có dán số 200.000, ảnh Bác H6; 01 (một) tờ giấy kiếng có in mặt sau tờ đôla 50 USD; 01 (một) tờ giấy A4 in màu mặt trước tờ tiền 50 USD sêri MB05692709D; 01 (một) tờ giấy A4 in màu mặt trước 02 (hai) tờ tiền 50 USD sêri MB05692709D, MF12420662A; 01 (một) tờ giấy A4 in màu mặt trước 04 (bốn) tờ tiền 50 USD sêri MD16540449A, MF12420662A, MB05692709D, JL68316327A; 01 (một) tờ giấy lịch ghi: "B đường số H, phường B SĐT 0917266903"; 01 (một) tờ giấy tem bóng có số 50.000.

+ 01 phong bì có địa chỉ "Nguyễn Thanh H9 SĐT 0917266903, địa chỉ số C khu B, H, Đ, Đồng Nai".

+ 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ có số sêri UW21904371, TU20696784, XV21151157, TM21533318, RC16928748, XV21151157, TM21533318, RC16928748.

+ 03 tờ tiền Việt Nam đồng đã nhàu nát có số sêri JB20199468, PE21606041 và một tờ không rõ số sêri có số cuối là 362 mệnh giá 500.000đ.

+ 01 tờ giấy kính có ảnh Bác H6, lỗ trống chìm có số 200.000.

+ 14 tờ tiền mệnh giá 500.000đ sêri NW18044362, TB20199468, KP18365191, KP18365191, KP18365191, ES15430013, KP18365191, YY18810781, KB17241052, KB17241052, KB17241052, KB17241052, TB20199469, PE21606041.

+ 12 tờ giấy có kích cỡ mặt trước tờ tiền USD mệnh giá 100, trong đó có 06 tờ có số sêri LB58245815P, 06 (sáu) tờ có số sêri PE86865373B, đã được niêm phong.

+ 01 máy Canon màu đen đã qua sử dụng hiệu Lide 220, số máy KJKS44148.

+ 01 hộp tem dán có số 50000.

+ 01 còng khóa tay số 8.

+ 02 con dao gấp màu đen.

+ 03 USB, gồm 01 màu xanh dương có nắp, 01 màu xanh không nắp, 01 màu đỏ hiệu VIO, đã được niêm phong.

+ 01 điện thoại di động không mở được nguồn.

+ 03 phiếu nộp tiền tên Bùi Thị Thanh H10.

+ 01 giấy phép lái xe, tên Trần Ngọc H.

+ 01 giấy đăng ký xe 52F-1132 tên Nguyễn Xuân C1.

+ 01 Laptop hiệu Dell số 42299261281, đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động màu đen hiệu Samsung Imei 356446085363344/02; 35647085363342/02, đã qua sử dụng, bên trong máy có 02 sim: 0917266903; 0797789750.

+ 01 xe ô tô biển số 52F-1132, hiệu Ford, số máy WLAT867396, kèm theo 01 (một) chìa khóa xe.

+ 01 máy photo màu đen hiệu TOSIBA đã qua sử dụng, trên máy có ký hiệu số 18772275827S.N.FC2505.

+ 01 máy photo màu đen hiệu SuperG3 đã qua sử dụng, trên máy có ký hiệu số 91802HB01a00140T.

+ 01 thùng giấy carton bên trong có dụng cụ cắt, sơn, giấy..., gồm: 01 chai nhựa có nắp màu đen đã qua sử dụng, bên trong có chứa chất lỏng màu đen; 01 chai nhựa có nắp màu đỏ đã qua sử dụng, bên trong có chứa chất lỏng màu đỏ; 01 chai nhựa có nắp màu xanh dương chưa qua sử dụng, bên trong có chứa chất lỏng; 01 chai nhựa có nắp màu vàng chưa qua sử dụng, bên trong có chứa chất lỏng; 01 hộp dầu bóng cao cấp vỏ kim loại có chữ "TOA"; 01 chai nhựa có tay cầm, nắp màu đỏ, bên trong chứa chất lỏng màu đen; 01 chai nhựa 2 lít màu trắng có tay cầm, nắp màu đỏ, bên trong chứa chất lỏng; 01 chai nhựa hình trụ tròn màu trắng không có tay cầm, nắp màu trắng, bên trong chứa chất lỏng màu trắng; 01 chai nhựa có tay cầm, nắp màu đỏ, bên trong chứa chất lỏng màu trắng đục; 01 chai nhựa 1 lít có tay cầm, nắp màu đỏ, bên trong chứa chất lỏng trong suốt; 01 chai nhựa có nhãn "SUNLIGHT", bên trong chứa dung dịch màu nâu đục; 01 bình xịt sơn bằng kim loại màu đen có dòng chữ "METALLIC EFECT PAINT"; 01 túi màu trắng bên trong chứa nhiều hạt tròn trong suốt; 07 hộp nhựa hình tròn, nắp màu bạc, bên ngoài ghi chữ "BỘT CAMAY MÀU NHŨ ÁNH KIM", bên trong chứa chất bột gồm 07 màu: vàng, tím, xanh nhạt, xanh lá cây, xanh dương đậm, hồng, tím hoa cà; 06 túi nilong, bên trong chứa chất bột gồm 6 màu: trắng bạc, đen, vàng, xanh dương đậm, xanh dương nhạt, vàng dạ quang; 01 túi nilong chứa chất rắn màu trắng; 01 túi nhựa có ghi chữ "KEO SỮA LATEX"; 01 cuộn băng keo xốp, màu xanh đậm; 01 cuộn băng keo trong; 01 cuộn màng nilong trong suốt hình trụ tròn, dài khoảng 30cm, có dòng chữ "KOKUSAI"; 01 (một) cuộn giấy màu trắng hình trụ tròn, dài khoảng 40cm; 01 (một) miếng bông mềm màu trắng đục; 01 (một) cây thước bằng kim loại, dài khoảng 50cm; 01 (một) cọng dây cáp màu đen chứa trong túi nhựa trong suốt; 01 (một) túi chứa nhiều tấm nhựa bên ngoài có ghi chữ "OKFILM", bên ngoài có ghi kích cỡ 135x186mm; 01 (một) túi chứa nhiều tấm nhựa, kích cỡ khoảng khổ giấy A4; 04 (bốn) tấm kim loại mỏng hình chữ nhật, kích thước 21x29,5cm; 03 (ba) cây bằng gỗ đầu gắn kim loại nhọn, dài 26cm; 04 (bốn) tờ giấy cứng khổ A4; 01 (một) tờ giấy cứng khổ A4 trên 02 mặt có hình mờ của tờ tiền 500.000 đồng; 01 (một) tờ giấy cứng khổ A4 trên 01 mặt có hình mờ của tờ tiền 500.000 đồng; 01 (một) tờ giấy khổ A4 màu trắng bên trên có dính một miếng xốp có số 500.000 và có in các hình số 500.000 mực màu đỏ; 16 tờ giấy khổ A4 màu trắng bên trên có hình mờ bông sen; 01 miếng giấy màu đen bị cắt lỗ 04 hình bông sen và 04 lỗ nhỏ; 01 tờ giấy kích thước bằng tờ tiền, 01 mặt có hình tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng in trắng đen; 01 tờ giấy A4 có hình số 500000 và hình bông sen nhỏ màu trắng đen 02 mặt; 01 tờ giấy A4 có in chữ "PHIẾU GIAO HÀNG" của Công ty TNHH S1; 01 tờ giấy A4 một góc có hình nhỏ một mặt tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng màu trắng đen, mặt sau có dòng chữ màu đỏ; 50 tờ giấy A4, trên mỗi tờ có 04 hình mờ người đàn ông; 02 tờ giấy plastic, trên mỗi tờ có 04 hình Bác H6 và 04 hình dây bảo hiểm có chữ "NHNNVN"; 01 tờ giấy A4 màu trắng, trên mỗi tờ có 04 hình Bác H6 và 04 hình dây bảo hiểm có chữ "NHNNVN"; 03 tờ giấy plastic, trên mỗi tờ có 01 họa tiết màu đen nằm trong khung chữ nhật; 01 tờ giấy plastic, có hình số 500000 và bông sen nhỏ màu trắng đen; 01 tờ giấy A4 màu trắng, bên trên có

hình mặt trước tờ tiền 50 đôla Mỹ; 01 tờ giấy A4 màu trắng, bên trên có hình mờ mặt trước 03 tờ tiền 100 đôla Mỹ; 01 tờ giấy plastic, bên trên có hình mặt sau 02 tờ tiền 50 đôla Mỹ.

+ 01 thùng giấy carton bên trong có một túi xốp màu đen có nhiều giấy A4 có hình màu tiền mệnh giá 500000, 5000, 50000, nhiều giấy kiếng đã in hoa có số chìm 200000 và nhiều đồ vật khác, gồm: 62 tờ giấy plastic, trên mỗi tờ có 04 hình Bác H6, 04 hình dây bảo hiểm có chữ "NHNNVN", 04 họa tiết cửa sổ nhỏ và 04 họa tiết cửa sổ lớn có số 200.000; 450 tờ giấy plastic, trên mỗi tờ có 04 hình Bác H6 và 04 hình dây bảo hiểm có chữ "NHNNVN" hình chìm mờ không nhìn thấy rõ, 04 họa tiết cửa sổ nhỏ và 04 họa tiết cửa sổ lớn có số 200.000; 01 sấp giấy plastic trong suốt kích thước cỡ khổ giấy A4; 01 bì thư có ghi người gửi: Nguyễn Duy T5; người nhận Bùi Thị Thanh H10; 01 Giấy nộp tiền của Ngân hàng A ngày 31/08/2021, người nộp tiền Bùi Thị Thanh H10, người nhận Phan Trung K1, số tiền 5 triệu đồng; 01 phiếu mua hàng thiết yếu của UBND thị trấn Đ cấp cho Bùi Thị Thanh H10, địa chỉ 37 khu B, ấp H, Đ, số điện thoại 0907282755; 03 tấm giấy cứng khổ A4 có các họa tiết hình bông sen trên nền trắng; 01 tấm giấy cứng khổ A4 có hình mờ màu trắng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 80 tờ giấy plastic, trên mỗi tờ có hình màu mặt trước 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 04 tờ giấy A4 có hình màu mặt trước 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 01 tờ giấy A4 có hình trắng đen mặt trước 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 01 tờ giấy có hình trắng đen mặt trước 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 01 tờ giấy A4 có hình màu mặt sau 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 19 tờ giấy cứng có hình màu mặt trước 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 20 tờ giấy cứng có hình màu mặt sau 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, họ tên NGUYỄN THANH H11; 01 cuốn tập học sinh có ghi nhiều tên và số điện thoại liên lạc (của Trần Văn H1); 01 hợp đồng thuê nhà ngày 01/3/2022 của Nguyễn Thị B1 và Đỗ Hà T6 gồm 05 trang giấy A4; 01 tấm giấy cứng khổ A4 có dán kèm một tờ giấy plastic bên trên có 04 hình Bác H6, 04 hình dây bảo hiểm có chữ "NHNNVN", 04 họa tiết cửa sổ nhỏ và 04 họa tiết cửa sổ lớn có số 200.000; 01 tấm giấy plastic có dán kèm một tờ giấy bên trên có hình trắng đen mặt trước 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 01 tờ giấy A4 có dán kèm một tờ giấy bên trên có hình trắng đen mặt trước 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 09 tờ giấy A4, trên mỗi tờ có hình màu mặt trước một tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng; 02 tờ giấy A4, trên mỗi tờ có hình trắng đen mặt trước một tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng; 08 tờ giấy A4, trên mỗi tờ có hình trắng đen mặt sau 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng; 02 tờ giấy plastic bị dính lại với nhau, trên mỗi tờ có hình màu mặt sau tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng; 743 tờ giấy A4, trên mỗi tờ có hình màu mặt trước 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng; 10 tờ giấy A4, trên mỗi tờ có hình màu mặt sau 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng; 200 tờ giấy A4, trên mỗi tờ có hình màu một mặt 04 tờ tiền có ghi "N5 OF CAMBODIA", mệnh giá 50000; 11 tờ giấy plastic,

trên mỗi tờ có 04 họa tiết cửa sổ nhỏ và 04 họa tiết cửa sổ lớn; 13 tờ giấy A4, trên mỗi tờ có 04 họa tiết cửa sổ nhỏ và 04 họa tiết cửa sổ lớn; 01 bàn cắt màu hồng trên thước đo có chiều dài lớn nhất là 23; 01 bàn cắt màu cam có ghi chữ GuangBo; 01 bàn cắt màu trắng có ghi chữ PAPER CUTTER, phía góc có số II; 01 bàn cắt màu trắng có ghi chữ PAPER CUTTER, phía góc có số III; 01 bàn cắt màu trắng, phía góc có số II, trên thước đo có chiều dài lớn nhất là 43, chiều ngang lớn nhất là 38; 01 máy phun sơn có bình nén khí; 01 dao rọc giấy có vỏ màu xanh lá.

- *T3 trong quá trình khám xét khẩn cấp tại nhà của Bùi Thị T1, sinh năm 1964, khu phố A, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận*:

+ 01 khóa số 8 bằng kim loại màu trắng có ghi chữ "BỘ CÔNG AN KC", kèm 02 chìa khóa.

+ 01 Giấy Chứng minh Công an nhân dân số 535-181, mang tên LIÊU THÁI THANH, sinh ngày 06/01/1981.

+ 01 máy photo hiệu Toshiba Model FC-2555C cũ đã qua sử dụng.

+ 01 két sắt màu xám nhãn hiệu "ĐẠI HIẾU THỊNH" (DAI HIEU THINH-Furniture Company) có ổ khóa cơ (trên ổ khóa có dãy số 842197) và màn hình điện tử, phía dưới có bàn phím số, ký tự mã khóa mở két là "291501".

- *Trần Ngọc H giao nộp*:

+ 01 Giấy chứng minh nhân dân số 205464167, tên Trần Ngọc H, do Công an tỉnh Q cấp ngày 15/10/2008.

+ 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân số 535-181, tên Trần Ngọc H, do Công an T8 cấp ngày 24/5/2018.

+ 01 Thẻ hội viên Hội Đ1 số 40.870/HV, tên Nguyễn Thanh H9, do Hội Đ1 cấp ngày 01/4/2007.

+ 01 Căn cước công dân số 075 076 178 192, tên Đỗ Hà T6, do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 06/9/2018.

** Thu giữ của Trần Văn H1:*

- *T3 khi bắt quả tang*:

+ 34 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số sê-ri: ES 15430013 (23 tờ), YY 18810781 (04 tờ), KP 18365191 (01 tờ), KB 17241052 (06 tờ).

+ Tiền Việt Nam: 475.000 đồng gồm: 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng.

+ 01 điện thoại hiệu Huawei, màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 869167030803925, 869167030803933, kèm theo sim số 0788551689, 0975066639.

+ 01 điện thoại hiệu OPPO, màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 869604033689778, 869604033689760, kèm theo sim số 0355273026, 0917462261.

+ 01 điện thoại hiệu MI, màu trắng, IMEI số 869589022379780, 869589022379798, kèm SIM số 0795904225, đã qua sử dụng.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân của Trần Văn H1.

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 67N6-3921.

- *Thu khi khám xét khẩn cấp tại nhà Ô B lô A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương*:

+ 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng số sê-ri ZW 18150481.

+ 11 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng có số sê-ri lần lượt SU 18550315, SN 16385921, ZQ 17117339, QH 14732340, UC 17056374, LM 18056360, PT 21356559, GP 16837160, WY 18246081, ZO 17310795, FK 21131840.

+ 03 tờ tiền mênh giá 5.000 đồng có số sê-ri lần lượt HE 6236734, ZO 3428545, YV 8216634.

+ 240 tờ tiền Campuchia mệnh giá 50.000 riel, có số sê-ri lần lượt 6383964 (39 tờ), 4013798 (01 tờ), 3311559 (28 tờ), 2979997 (172 tờ).

+ 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số sê-ri KP18365191.

+ 02 tờ tiền đô la Mỹ, mệnh giá 02 đô la, có cùng số sê-ri I16658301A.

+ 55 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số sê-ri lần lượt là: NI19547862 (01 tờ), KB 17241052 (23 tờ), YY 18810781 (03 tờ), ZW 18150481 (01 tờ), ES 15430013 (08 tờ), KP A (19 tờ).

+ 52 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng.

+ 27 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

+ 38 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

- *Trần Văn H1 giao nộp*: 01 giấy đăng ký xe mô tô số 035604, tên Ôn Bích N3, biển số 67N6-3921, cấp ngày 25/7/2008.

** Thu giữ của Trần Vũ K:*

- *Khi khám xét khẩn cấp tại nhà trọ số 178/57/14 tổ F, khu phố G, phường P, thành phố T, Bình Dương*:

+ 451 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số sêri: KP 18365191 (116 tờ), ES 15430013 (110 tờ), KB 17241052 (111 tờ), YY 18810781 (114 tờ).

+ 01 dao rọc giấy màu đỏ.

+ 02 thẻ nhớ màu đen.

- *Trần Vũ K giao nộp*:

+ 01 Căn cước công dân số 089090000024, tên Trần Vũ K.

+ 01 Giấy chứng minh nhân dân số 290957857, tên Trần Vũ K.

+ 01 điện thoại di động hiệu iPhone, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 355376088185165, 35537608818576, kèm sim số 0907343338.

** Thu giữ của Bùi Thị T1:*

+ 01 điện thoại di động màu hồng, hiệu "Samsung", đã qua sử dụng, số IMEI 1 "353319098926279/01", số IMEI 2 "353320098926277/01" kèm sim số 0937.465.165 và 0345.755.574.

+ 01 điện thoại di động màu hồng, hiệu "iPhone", số IMEI "358634094127929", đã qua sử dụng.

+ 01 nồi bằng đất nung màu đen cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 chum bằng đất nung màu đỏ gạch cũ, đã qua sử dụng.

** Bà Phan Diệu L2 giao nộp:* 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số sê-ri: YY 18810781.

** Bà Trần Thị Như H5 giao nộp:* 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, gồm các số sêri PZ19373429 (03 tờ), TR 14093462 (01 tờ).

** Thu giữ của bà Trần Thu N1 khi khám xét:*

+ 01 túi bột giặt hiệu "iZi home" 3kg.

+ 03 chai nước hiệu "STING" vị cà phê, dung tích 330ml/chai.

+ 04 chai nước hiệu "Nước yến NHA ĐAM BIRD NEST&ALOE VERA, dung tích 500ml/chai.

** Thu giữ của Nguyễn Thị Hoài T7:*

+ 05 trang tài liệu là bản photo hợp đồng thuê nhà ngày 04/11/2021 giữa bà Nguyễn Thị Hoài T7 và ông Trần Ngọc H.

+ 01 mảnh tro đã cháy một phần, phần còn lại giống tờ tiền.

** Thu giữ của bà Nguyễn Thị B2:* 01 thùng nhựa màu trắng, được đậy kín, bên ngoài thùng có ghi chữ "KEO CHỊU NHIỆT".

* Kết luận giám định:

- Ngày 06/02/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 01, giám định 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng của bị cáo Huỳnh Văn Đ mua hàng hóa của bà Trần Thị Như H5. Ngày 08/02/2022,

Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 42/2022/KL-TL kết luận 04 (bốn) tờ tiền trên là tiền giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 08/02/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 02, giám định 326 (ba trăm hai mươi sáu) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ. Ngày 11/02/2022, Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 43/2022/KL-TL kết luận 326 (ba trăm hai mươi sáu) tờ tiền trên là tiền giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 08/2/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 03, giám định 321 (ba trăm hai mươi mốt) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ. Ngày 21/2/2022, Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 44/2022/KL-TL kết luận 321 (ba trăm hai mươi mốt) tờ tiền trên là tiền giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 08/3/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 04, giám định 5.606 (năm ngàn sáu trăm lẻ sáu) tờ tiền thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ, gồm: 1.262 (một ngàn hai trăm sáu mươi hai) tờ mệnh giá 500.000 đồng, 893 (tám trăm chín mươi ba) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 3.451 (ba ngàn bốn trăm năm mươi mốt) tờ mệnh giá 5.000 đồng. Ngày 30/3/2022, Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 92/2022/KL-KTHS kết luận 1.262 (một ngàn hai trăm sáu mươi hai) tờ mệnh giá 500.000 đồng, 893 (tám trăm chín mươi ba) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 3.451 (ba ngàn bốn trăm năm mươi mốt) tờ mệnh giá 5.000 đồng là tiền giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 29/7/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 21, giám định 171 (một trăm bảy mươi mốt) tờ tiền thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ, gồm: 10 (mười) tờ mệnh giá 500.000 đồng, 34 (ba mươi bốn) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 46 (bốn mươi sáu) tờ mệnh giá 100.000 đồng, 30 (ba mươi) tờ mệnh giá 50.000 đồng, 18 (mười tám) tờ mệnh giá 20.000 đồng, 20 (hai mươi) tờ mệnh giá 10.000 đồng, 05 (năm) tờ mệnh giá 5.000 đồng, 05 (năm) tờ mệnh giá 2.000 đồng, 03 (ba) tờ mệnh giá 1.000 đồng. Ngày 26/8/2022, Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 355/2022/KL-KTHS kết luận 01 (một) tờ mệnh giá 500.000 đồng là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu; 09 (chín) tờ mệnh giá 500.000 đồng, 34 (ba mươi bốn) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 46 (bốn mươi sáu) tờ mệnh giá 100.000 đồng, 30 (ba mươi) tờ mệnh giá 50.000 đồng, 18 (mười tám) tờ mệnh giá 20.000 đồng, 20 (hai mươi) tờ mệnh giá 10.000 đồng, 05 (năm) tờ mệnh giá 5.000 đồng, 05 (năm) tờ mệnh giá 2.000 đồng, 03 (ba) tờ mệnh giá 1.000 đồng là tiền thật.

- Ngày 28/3/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 05, giám định 93 (chín mươi ba) tờ tiền thu giữ của bị cáo Trần Ngọc H, gồm: 74 (bảy mươi bốn) tờ mệnh giá 500.000 đồng, 05 (năm) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 11 (mười một) tờ mệnh giá 20.000 đồng, 03 (ba) tờ mệnh giá 5.000 đồng. Ngày 31/3/2022, Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 118/2022/KL-KTHS kết luận 74 (bảy mươi bốn) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là

tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu, 05 (năm) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 11 (mười một) tờ mệnh giá 20.000 đồng, 03 (ba) tờ mệnh giá 5.000 đồng là tiền thật.

- Ngày 29/7/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 22, giám định 03 (ba) tờ nhựa có in hình ảnh hai mặt (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng và 117 (một trăm mười bảy) tờ tiền gồm: 52 (năm mươi hai) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 27 (hai mươi bảy) tờ mệnh giá 100.000 đồng, 38 (ba mươi tám) tờ mệnh giá 50.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Ngọc H. Ngày 15/8/2022, Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 356/2022/KL-KTHS kết luận 03 (ba) tờ nhựa có in hình ảnh hai mặt (bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu; 52 (năm mươi hai) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 27 (hai mươi bảy) tờ mệnh giá 100.000 đồng, 38 (ba mươi tám) tờ mệnh giá 50.000 đồng là tiền thật.

- Ngày 28/3/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 07, giám định 451 (bốn trăm năm mươi mốt) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Vũ K. Ngày 29/3/2022, Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 120/2022/KL-KTHS kết luận 451 (bốn trăm năm mươi mốt) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 28/3/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 06, giám định 41 (bốn mươi mốt) tờ tiền thu giữ của bị cáo Trần Văn H1, gồm: 35 (ba mươi lăm) tờ mệnh giá 500.000 đồng, 01 (một) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 02 (hai) tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 (một tờ mệnh giá 50.000 đồng, 01 (một) tờ mệnh giá 20.000 đồng, 01 (một) tờ mệnh giá 5.000 đồng. Ngày 29/3/2022, Phòng K3 Công an tỉnh B có kết luận giám định số 119/2022/KL-KTHS kết luận 35 (ba mươi lăm) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu; 01 (một) tờ mệnh giá 200.000 đồng, 02 (hai) tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 (một tờ mệnh giá 50.000 đồng, 01 (một) tờ mệnh giá 20.000 đồng, 01 (một) tờ mệnh giá 5.000 đồng là tiền thật.

- Ngày 25/5/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 12, giám định 327 (ba trăm hai mươi bảy) tờ tiền nước ngoài thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ gồm: 100 (một trăm) tờ tiền Nhật Bản mệnh giá 10.000 Yên, 209 (hai trăm lẻ chín) tờ tiền Campuchia mệnh giá 50.000 Riel, 02 (hai) tờ tiền đô-la Mỹ mệnh giá 2 USD, 03 (ba) tờ tiền đô-la Mỹ mệnh giá 100 USD, 01 (một) tờ tiền nước ngoài ghi ZIMBABWE mệnh giá 5.000.000.000.000.000.000.000.000, 01 (một) tờ tiền nước ngoài Venezuela mệnh giá 100, 02 (hai) tờ tiền nước ngoài mệnh giá 5.000, 01 (một) tờ tiền nước ngoài mệnh giá 2.000, 01 (một) tờ tiền Campuchia mệnh giá 1.000, 01 (một) tờ tiền Campuchia mệnh giá 20.000, 06 (sáu) tờ tiền nước ngoài mệnh giá 500.000.000. Ngày 10/6/2022, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3065/KL-KTHS kết luận: 100 (một trăm) tờ tiền

Nhật Bản mệnh giá 10.000 Y là tiền giả và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, 209 (hai trăm lẻ chín) tờ tiền Campuchia mệnh giá 50.000 Riel là tiền giả và được tạo ra bằng phương pháp in laze màu, 02 (hai) tờ tiền đô-la Mỹ mệnh giá 2 USD và 01 (một) tờ tiền đô-la M mệnh giá 100 USD là tiền giả được tạo ra bằng phương pháp in laze màu, 10 (mười) tờ tiền không tiến hành giám định (gồm: 01 (một) tờ tiền nước ngoài ghi ZIMBABWE mệnh giá 5.000.000.000.000.000.000.000.000, 01 (một) tờ tiền nước ngoài mệnh giá 2.000, 01 (một) tờ tiền Campuchia mệnh giá 1.000, 01 (một) tờ tiền Campuchia mệnh giá 20.000, 06 (sáu) tờ tiền nước ngoài mệnh giá 500.000.000.), 05 (năm) tờ còn lại là tiền thật (gồm: 02 (ba) tờ tiền đô-la Mỹ mệnh giá 100 USD, 01 (một) tờ tiền nước ngoài Venezuela mệnh giá 100, 02 (hai) tờ tiền nước ngoài mệnh giá 5.000).

- Ngày 25/5/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 14, giám định 2.807 (hai ngàn tám trăm lẻ bảy) tờ tiền Nhật Bản mệnh giá 10.000 Yên thu giữ của bị can Huỳnh Văn Đ. Ngày 10/6/2022, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3067/KL-KTHS kết luận 2.807 (hai ngàn tám trăm lẻ bảy) tờ tiền Nhật Bản mệnh giá 10.000 Y là tiền giả và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Ngày 25/5/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 15, giám định 822 (tám trăm hai mươi hai) tờ tiền nước ngoài thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ, gồm: 806 (tám trăm lẻ sáu) tờ tiền Campuchia mệnh giá 50.000, 16 (mười sáu) tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 02 USD. Ngày 10/6/2022, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3068/KL-KTHS kết luận 806 (tám trăm lẻ sáu) tờ tiền Campuchia mệnh giá 50.000, 16 (mười sáu) tờ tiền đô la M mệnh giá 02 USD là tiền giả và được tạo ra bằng phương pháp in laser màu.

- Ngày 25/5/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 16, giám định 800 (tám trăm) tờ tiền nước ngoài thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ. Ngày 10/6/2022, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3069/KL-KTHS kết luận 800 (tám trăm) tờ tiền mệnh giá 200 won là tiền Bắc Triều T4 thật.

- Ngày 25/5/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 17, giám định 800 (tám trăm) tờ tiền nước ngoài thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ. Ngày 10/6/2022, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3070/KL-KTHS kết luận 800 (tám trăm) tờ tiền mệnh giá 500 là tiền Uzbekistan thật.

- Ngày 25/5/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 13, giám định 242 (hai trăm bốn mươi hai) tờ tiền nước ngoài thu giữ của bị cáo Trần Văn H1, gồm: 240 (hai trăm bốn mươi) tờ tiền Campuchia mệnh giá 50.000, 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 02 USD. Ngày 10/6/2022, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3066/KL-

KTHS kết luận 240 (hai trăm bốn mươi) tờ tiền Campuchia mệnh giá 50.000, 02 (hai) tờ tiền đô la M mệnh giá 02 USD là tiền giả và được tạo ra bằng phương pháp in laser màu.

- Ngày 22/9/2022, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định Trưng cầu giám định số 30, giám định 2.795 (hai ngàn bảy trăm chín mươi lăm) tờ tiền đô la màu đen thu giữ của bị cáo Huỳnh Văn Đ, gồm: 2.003 (hai ngàn lẻ ba) tờ giấy màu đen có hình ảnh và kích thước giống tiền đô la Mỹ ghi mệnh giá 100 USD, 788 (bảy trăm tám mươi tám) tờ giấy màu đen có kích thước giống tiền, 01 (một) tờ giấy cứng màu đen có hình ảnh và kích thước giống tiền đô la Mỹ ghi mệnh giá 100 USD, 03 (ba) tờ giấy trắng trong kích thước giống tờ tiền có ghi số 500.000.000 ở bốn góc. Ngày 07/10/2022, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 5306/KL-KTHS kết luận 2.003 (hai ngàn lẻ ba) tờ giấy màu đen có hình ảnh và kích thước giống tiền đô la Mỹ ghi mệnh giá 100 USD, 01 (một) tờ giấy cứng màu đen có hình ảnh và kích thước giống tiền đô la Mỹ ghi mệnh giá 100 USD, 03 (ba) tờ giấy trắng trong kích thước giống tờ tiền có ghi số 500.000.000 ở bốn góc là tiền giả, không xác định được phương pháp tạo ra; 788 (bảy trăm tám mươi tám) tờ giấy màu đen có kích thước giống tiền không phải là tiền.

- Theo Công văn số 1022 ngày 05/8/2022 của Ngân hàng N6 Chi nhánh tỉnh B cung cấp tỷ giá của Đồng Việt Nam so với tiền nước ngoài như sau:

+ Ngày 05/02/2022: 1 USD = 23.099 VNĐ.

+ Ngày 08/02/2022: 1 USD = 23.090 VNĐ.

+ Từ ngày 27/01/2022 đến ngày 09/02/2022: 1 Riel C (KHR) = 5,69 VNĐ; 01 Y (JPY) = 202,62 VNĐ.

- Theo Công văn số 77 ngày 18/01/2023 của Ngân hàng N6 Chi nhánh tỉnh B cung cấp tỷ giá của Đồng Việt N4 so với tiền nước ngoài ngày 24/3/2022 như sau:

+ 1USD = 23.148 VNĐ;

+ 1 Riel Campuchia (KHR) = 5,74 VNĐ.

* Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Huỳnh Văn Đ đã bồi thường 800.000 đồng cho bà Trần Thị Như H5; bị cáo Trần Văn H1 tự nguyện bồi thường cho bà Phan Diệu L2 500.000 đồng nhưng hiện tại bà L2 không có mặt nơi cư trú nên chưa thực hiện được.

* Xử lý vật chứng: Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B đã trả lại tài sản cho các bị can sau:

*- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn Đ:*

+ 01 chứng minh nhân dân số 270292615 của Huỳnh Văn Đ.

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng A1 ghi tên "HUỲNH VĂN ĐỰC" số "9704 1620 0894 6525".

+ 02 miếng kim loại hình tròn, màu vàng, bề mặt có ký hiệu chữ B, mặt sau có chữ ROCS APPROVED MJB 201, đựng trong hộp hình vuông, màu đỏ, kích thước khoảng 9 x 9cm.

+ 03 quyển sổ, dạng sổ tay, giấy ô ly, bên trong mỗi quyển sổ có chữ viết tay, ghi nhiều tên và nhiều số điện thoại.

+ 01 điện thoại di động hiệu "Vsmart" màu đen, loại cảm ứng, kích thước 6.7 inch, đã qua sử dụng.

+ 01 tờ giấy A5 mặt trước ghi chữ Trung Quốc, hoa văn màu xanh, mặt sau ghi chữ tiếng Anh "the hongkong and shanghai banking corporation limited"; 01 tờ giấy ghi chữ HSBC, Hong Kong, C2 and excise, mặt sau ghi "Five hundred millan, 500.000.000", kèm chữ Trung Quốc và hoa văn màu xanh; 01 tờ giấy A5 ghi chữ Trung Quốc, H13, mặt sau ghi chữ tiếng Anh.

+ 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, bên trên có khảm viên đá hình bầu dục màu đen.

+ 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, bên trên có khảm viên đá hình bầu dục màu vàng.

+ 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 56,5 cm.

+ 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu vàng, mặt đồng hồ tròn có hình chủ tịch Hồ Chí M1 và chữ "HỒ CHÍ MINH".

+ 01 dây chuỗi đeo tay có 14 hạt tròn màu xanh lá nhạt.

+ 01 kính râm đeo mắt màu đen, không có nhãn hiệu.

+ 01 áo khoác bằng vải dù, màu xanh dương, đã sử dụng.

+ Tiền nước ngoài: 02 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 đô la; 01 tờ tiền Venezuela mệnh giá 100; 02 tờ tiền Bắc Triều Tiên mệnh giá 5.000; 800 tờ tiền Bắc Triều Tiên mệnh giá 200; 800 tờ tiền Uzbekistan mệnh giá 500; 01 tờ tiền Zimbabwe, mệnh giá 5.000.000.000.000.000.000.000.000.000, số sê ri AA0073904; 01 tờ tiền nước ngoài, mệnh giá 2.000, số sê ri WH989862; 01 tờ tiền Campuchia, mệnh giá 1.000 năm 2016, số sê ri 5605405; 01 tờ tiền Campuchia, mệnh giá 20.000 năm 2017, số sê ri 1174491; 01 tờ tiền nước ngoài, mệnh giá 500.000.000, số sê ri SM275879; 01 tờ tiền nước ngoài, mệnh giá 500.000.000, số sê ri SM275880; 01 tờ tiền nước ngoài, mệnh giá 500.000.000, số sê ri SM275881; 01 tờ tiền nước ngoài, mệnh giá 500.000.000, số sê ri SM275882; 01 tờ tiền nước ngoài, mệnh giá 500.000.000, số sê ri SM275883; 01 tờ tiền nước ngoài, mệnh giá 500.000.000, số sê ri SM275884.

- *Trả lại cho bị cáo Trần Vũ K:* 01 căn cước công dân số "089090000024" của Trần Vũ K, sinh năm 1990, 01 chứng minh nhân dân số "290957857" của Trần Vũ K.

- *Trả lại cho bị cáo Trần Văn H1:*

+ 01 điện thoại hiệu MI, màu trắng, IMEI số 869589022379780, 869589022379798, kèm SIM số 0795904225, đã qua sử dụng.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân của Trần Văn H1.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bế Tre, đã quyết định:***

*1. Về trách nhiệm hình sự:*

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc H và Trần Văn H1 phạm "Tội làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả"; bị cáo Huỳnh Văn Đ phạm "Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả"; bị cáo Trần Vũ K phạm "Tội tàng trữ tiền giả"; bị cáo Bùi Thị T1 phạm "Tội làm, tàng trữ tiền giả";

1.1. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 18 (mười tám) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2022.

1.2. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 14 (mười bốn) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2022.

1.3. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s, o, t, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 10 (mười) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2022.

1.4. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Vũ K 10 (mười) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2022.

1.5. Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T1 05 (năm) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2022.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 24 tháng 6 năm 2023, bị cáo Trần Ngọc H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại khung hình phạt, mức hình phạt và những oan sai. Bị cáo xác định khung hình phạt của bị cáo theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật hình sự là "In, tàng trữ, lưu hành tiền giả".

- Ngày 26 tháng 6 năm 2023, bị cáo Huỳnh Văn Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Vì tuổi cao, sức yếu, nhiều bệnh tật. Nên, bị cáo kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ngày 27 tháng 6 năm 2023 bị cáo Bùi Thị T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Vì bị cáo chỉ thấy Trần Ngọc H in tiền 5.000 đồng từ máy photo. Số tiền H cho bị cáo (T1) 02 xấp bị cáo không đồng ý nên H nhờ bị cáo (Tho) cất vô két sắt, bị cáo làm theo và thấy có 01 xấp mới và bóng nghi là tiền giả vài ngày sau bị cáo (T) tự ý đem đi đốt. Bị cáo thấy mình bị oan nên đã nhiều lần kêu cứu nhưng không được cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xem xét. Vì thế, bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, cứu giúp.

- Ngày 27 tháng 6 năm 2023 bị cáo Trần Văn H1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Quá trình điều tra và truy tố bị cáo không nhận được kết luận giám định là tiền gì, trong khi đó bị cáo chỉ sử dụng tiền photo mà Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" nên bị cáo không đồng ý với tội danh mà án sơ thẩm đã tuyên.Vì thế, bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét lại cho bị cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay*:

- Bị cáo Trần Ngọc H giữ nguyên nội dung kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới. Bị cáo không đồng ý luật sư P1 bào chữa chỉ định cho bị cáo mà bị cáo tự mình bào chữa; Bị cáo cho rằng Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh B không có thẩm quyền khởi tố đối với bị cáo, bị cáo chỉ photo tiền chứ không làm tiền giả, tội phạm trong Bộ luật hình sự không có quy định tội photo tiền nên hành vi của bị cáo không phạm tội; bị cáo thừa nhận khi photo tiền có bán cho bị cáo H1 400.000.000 đồng tiền photo mệnh giá 500.000 đồng để lấy 40.000.000 đồng tiền VNĐ thật, bán cho bị cáo Đ tiền photo không nhớ số lượng bao nhiêu nhưng có nhận của bị cáo Đ 20.000.000 đồng tiền VNĐ thật; đối với việc giao tiền photo cho bị cáo T1 cất giữ thì bị cáo không nhớ.

- Bị cáo Huỳnh Văn Đ, trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo thừa nhận tội danh án sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là đúng, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- Bị cáo Trần Văn H1, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo nêu trên, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét làm rõ hành vi của bị cáo, bởi bị cáo không có phụ giúp bị cáo Hoàng photo tiền, bị cáo thừa nhận có mua tiền photo của bị cáo Hoàng bán với số tiền 400.000.000 đồng tiền photo mệnh giá 500.000 đồng (nhưng khi kiểm đếm lại thì chỉ có 330.5000.000 đồng tiền photo)

với giá 40.000.000 đông tiền VNĐ thật, sau khi có tiền photo bị cáo có gửi cho bị cáo Trần Văn K2 cất giữ khoảng 300.000.000 đồng tiền photo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Bùi Thị T1, trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, do bị cáo không có phụ giúp bị cáo H làm tiền giả, bị cáo H có đưa tiền giả cho bị cáo cất giữ giùm nhưng bao nhiêu thì bị cáo không có đếm cụ thể, sau khi bị cáo H đưa tiền mệnh giá 500.000 đồng nhờ cất giùm thì sau ít ngày sau bị cáo mang đi đốt hết, bị cáo chỉ có sử dụng 03 tờ tiền giả do bị cáo Hoàng photo tại nơi ở của bị cáo (T) loại mệnh giá 5.000 đồng để mua rau ở chợ, ngoài ra không sử dụng loại tiền nào khác. Bị cáo thấy mình không có tội nên đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Khi xem xét quyết định về tội danh và hình phạt Tòa sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc H, Trần Văn H1, Huỳnh Văn Đ, Bùi Thị T1; giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Ngọc H, giữ nguyên trình bày như nêu trên.

- *Luật sư Trần Thanh P1 bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn Đ và Trần Văn H1, trình bày*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s, o, t, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn Đ, giảm hình phạt cho bị cáo Đ. Bị cáo Trần Văn H1 không thực hiện hành vi làm tiền giả với bị cáo H; bị cáo H1 có các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, b, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, giảm hình phạt cho bị cáo H1.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị T1 tranh luận*: Bị cáo T1 giúp sức cho bị cáo H làm tiền giả thì hành vi của bị cáo T1 là hành vi gì, bị cáo T1 thực hiện hành vi bao nhiêu lần trong việc "làm, tàng trữ tiền giả", không có căn cứ thỏa mãn theo định lượng tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1. Việc bị cáo H đem máy photo đến nhà bị cáo T1 là tự ý của bị cáo H, không có sự bàn bạc với bị cáo T1, không có hứa hẹn, giúp sức hay lợi ích vật chất gì, không có căn cứ chứng minh bị cáo T1 đồng phạm với bị cáo H trong việc làm, tàng trữ tiền giả; Cơ quan điều tra cũng không xác định được tiền giả bị cáo T1 đem đi đốt có số lượng là bao nhiêu, không đủ căn cứ buộc tội bị cáo T1 theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật hình sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1, tuyên bố bị cáo T1 không phạm tội "Làm, tàng trữ tiền giả" theo khoản 2 Điều 207 của Bộ luật hình sự như án sơ thẩm đã tuyên.

- Lời nói sau cùng: Các bi cáo đều yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau*:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 16/10/2023, Tòa phúc thẩm mở phiên tòa xét xử phúc thẩm lần thứ nhất, tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc H không có yêu cầu luật sư bào chữa nên Hội đồng xét xử cử luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo H nhưng bị cáo không đồng ý mà cho rằng Cơ quan điều tra không tạo điều kiện để bị cáo mời luật sư theo yêu cầu của bị cáo. Nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa để bị cáo mời luật sư, tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không mời luật sư nên Hội đồng xét xử cử luật sư Trần Thanh P1 – Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo nhưng bị cáo vẫn không đồng ý, mà bị cáo yêu cầu để tự bị cáo bào chữa cho bị cáo, vì thế Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

[2] Đối với kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn Đ, xét: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Huỳnh Văn Đ thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo là đúng như nội dung vụ án và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, vì thế Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm "Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả" theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên bị cáo không kháng cáo kêu oan, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo tuổi già, sức yếu, nhiều bệnh tật. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Huỳnh Văn Đ 01 lần dùng 20.000.000 đồng tiền thật mua 220.000.000 đồng tiền giả của bị cáo Trần Ngọc H và tiêu thụ được 800.000 đồng thì bị bắt quả tang. Ngoài số tiền mua để đi tiêu thụ, bị cáo Đ còn nhận tiền giả của bị cáo H cho 826.855.000 đồng và cất giữ tại nhà trọ. Ngoài ra, bị cáo Đ còn cất giữ nhiều ngoại tệ giả với số tiền rất lớn được quy đổi thành tiền Việt Nam là 10.809.449.766 đồng. Nên, Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm "Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả" với tình tiết định khung "*Phạm tội trong trường hợp tiền giả có trị giá tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân*" theo khoản 3 Điều 207 của Bộ luật hình sự. Mức tiền giả có giá trị từ trên 50.000.000 đồng thì mức hình phạt đã là từ 10 năm tù trở lên, số tiền giả bị cáo Đ bị bắt và thu giữ là đặc biệt lớn; trong khi bị cáo Đ có một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân không tốt, trước đó đã từng bị kết án về các tội "Tổ chức cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài", "Đưa hối lộ", "Trộm cắp tài sản của công dân" và "Trốn khỏi nơi giam". Lẽ ra mức hình phạt phải là trên 10 năm tù

mới tương xứng với hành vi của bị cáo, nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người đủ 70 tuổi trở lên; đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ ra được địa điểm nơi bị cáo H làm tiền giả; đã bồi thường số tiền 800.000 đồng cho bà Trần Thị Như H5; hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nên Tòa sơ thẩm đã cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, o, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; từ đó tuyên phạt bị cáo 10 năm tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt là đã xem xét giảm nhẹ và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; không chấp nhận đề nghị của Luật sư và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Đ.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H, xét; Tội "Làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả" là hành vi làm ra, cất giữ, vận chuyển, sử dụng, trao đổi, mua bán các loại tiền giả. Với định nghĩa trên của điều luật, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Trần Ngọc H làm nghề sửa máy photocopy, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên H đã nảy sinh ý định làm tiền giả bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, H mua máy photo có chức năng in màu, giấy plastic A4+ và nhiều dụng cụ khác phục vụ cho việc làm tiền giả. Cách thức làm tiền giả là cắt giấy plastic A4+ chỉnh sửa lại đúng với khổ giấy A4 để máy chạy được. H lấy tờ tiền thật photo trắng đen chỉnh độ mực cho ra tờ tiền đen để cắt lấy 02 cửa sổ to và nhỏ của tờ tiền, sau đó dán lại vào tờ A4 và photo lại lần nữa sẽ cho ra tờ giấy trắng có 02 cửa sổ to và nhỏ. Sau đó, dùng hình ảnh của Bác H6 ở mặt trước của tờ tiền photo zoom nhỏ lại cho phù hợp với kích thước của hình ảnh chìm của Bác H6 ở tờ tiền và cắt dán vào tờ giấy A4 có 02 cửa sổ to và nhỏ trên để photo ra một tờ A4 có đủ 02 cửa sổ và ảnh Bác H6 chìm. Làm xong công đoạn trên, dùng tờ giấy plastic (giấy plastic được dán vô một bìa giấy cứng để máy chạy không bị cuộn) để photo phủ mực trắng lên sẽ cho ra tờ giấy plastic có ảnh Bác H6 chìm, 02 cửa sổ lúc này thì tờ plastic đã được phủ mực trắng có ảnh chìm và 02 cửa sổ. Sau đó, đem sang máy photo màu, dùng tờ tiền Việt Nam thật để photo màu trên nền giấy plastic sẽ được mặt trước của tờ tiền. Mặt sau chỉ cần photo màu mặt sau của tờ tiền thật trên tờ P3 đã in mặt trước, hoàn chỉnh tờ tiền thì lấy xăng thơm phun cho mực bền và đem phơi một lúc là thành phẩm tiền giả; tiền giả loại mệnh giá 5.000 đồng H chỉ cần lấy tờ tiền thật photo màu trên giấy A4 là được. Đối với tiền nước ngoài H cũng photo sau đó dán tem chống giả vào. Với cách thức như trên, trong khoản thời gian từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 H đã làm ra tiền giả với số lượng rất lớn 1.581.935.500 đồng. Sau khi làm được tiền giả, bị cáo H đã 02 lần đưa cho bị cáo Bùi Thị T1 cất giữ với số tiền 45.500.000 đồng; trực tiếp bán cho bị cáo Huỳnh Văn Đ 220.000.000 đồng và nhiều lần cho bị cáo Đ tổng số tiền là 833.055.000 đồng; bán cho bị cáo Trần Văn H1 01 lần 400.000.000 đồng và cho bị cáo H1 240 tờ tiền Campuchia (quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm phát hiện là 68.880.000 đồng), số còn lại 14.500.000 đồng

cất giữ tại nhà trọ. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 60.000.000 đồng. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và kháng cáo của bị cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng tiền do bị cáo làm ra không phải là "tiền giả" mà gọi là "tiền photo" vì bị cáo sử dụng tiền thật do Ngân hàng N6 phát hành để sao chụp thành nhiều bản có số seri giống như số seri của tiền thật, có giá trị sử dụng như tiền thật. Tuy nhiên, với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan An ninh điều tra thu thập được có cơ sở xác định lời khai nêu trên của bị cáo H là không có cơ sở, mà có cơ sở khẳng định bị cáo H đã có hành vi làm tiền giả, sau đó cất giữ tiền giả và nhiều lần bán tiền giả cho người khác nhằm nhận lại tiền thật. Cho nên, Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo H phạm tội "Tội làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" theo khoản 3 Điều 207 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội không oan, sai. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tỉnh tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vai trò của bị cáo, mức hình phạt 18 năm tù Tòa sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết nào mới, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên tội danh và mức hình phạt của án sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo H.

[4] Đối với bị cáo kháng cáo Trần Văn H1 cho rằng bị cáo không nhận được kết luận giám định là tiền gì, trong khi bị cáo chỉ sử dụng tiền photo mà Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo "Tội làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" nên bị cáo không đồng ý với tội danh mà án sơ thẩm đã tuyên, xét:

[4.1] Bị cáo không nhận được kết luận giám định tiền là gì là thiếu sót của Cơ quan điều tra, nhưng thiếu sót này không làm thay đổi hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm là đủ.

[4.2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng:

Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc H cho rằng bị cáo Trần Văn H1 không có phụ giúp bị cáo H trong việc làm tiền giả; bị cáo Trần Văn H1 cũng không thừa nhận việc có phụ giúp bị cáo H làm tiền giả. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện: Biên bản làm việc ngày 17/02/2022 về việc kiểm tra căn nhà số B, đường số H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do chị Nguyễn Thị Hoài T7 sở hữu đã phát hiện thu giữ trong thùng rác gần cầu thang tại lầu 1 gồm 01 mảnh tro đã cháy một phần, phần còn lại giống tờ tiền (bút lục số 826). Tại Bảng thống kê phương tiện, đồ vật, tài liệu tạm giữ của chị Nguyễn Thị Hoài T7 theo biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử hồi 14 giờ 40 phút ngày 17/02/2022 tại căn nhà số B, đường số H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có "01 mảnh tro đã cháy một phần, phần còn lại giống tờ tiền"; bị cáo Trần Ngọc H có lời giải thích: Tại nhà mướn tôi có photo tiền có hư hại và tôi có đốt (bút lục số 1915). Ông Trần Văn H1 (H12) có tham gia cùng tôi (H) trong quá trình photo tiền giả tại nhà thuê của tôi (H) ở địa chỉ số B, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ số B lô A, đường N, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; ông Trần Văn H1 (thường gọi là H12) có tham gia

vào công đoạn phun xăng, phơi các tờ tiền được in ra và cắt nhỏ các tờ tiền này (bút lục số 791, 792, 793). Tôi (H) và anh H12 cùng làm, anh H12 phụ dán giấy plastic vào bìa rồi photo xong thì gỡ ra, phụ canh mực khi photo màu xem có đạt chưa, phụ phơi, phun xăng, cắt tiền ra thành phẩm, các công đoạn tôi (H) và anh H12 đều làm chung, chỉ có công đoạn điều chỉnh mực trên máy liên quan đến máy móc, công đoạn làm các cửa sổ nhỏ đòi hỏi tỉ mỉ thì do tôi (H) làm (bút lục số 724, 725). Bị cáo Trần Văn H1 khai nhận "Tôi đi đến chỗ nhà H vì lời mời của H rủ tôi đến phụ H làm tiền giả, nhưng do mắt yếu không thực hiện được các thao tác cần sự chính xác, tỉ mỉ, tôi chỉ phụ được ở công đoạn mang đi phơi tiền. Trước đó tôi có phụ ở công đoạn phun hóa chất nhưng tôi phun không đều nên H không cho tôi phụ việc phun nữa. Lúc ở đây tôi chứng kiến toàn bộ việc làm tiền giả của H, sau đó có ý định và tiến hành mua tiền giả của H để bán cho người khác kiếm lời (bút lục số 1156, 1157). Tôi có hỗ trợ giúp sức cho Trần Ngọc H (H) trong việc H làm, sản xuất tiền giả tại nhà của H, tôi giúp H ở công đoạn phơi tiền (bút lục số 1166, 1167). Tôi chỉ có phụ H phơi tiền giả và chứng kiến sự việc làm tiền giả của H (bút lục số 1179, 1180)". Như vậy, căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, xét thấy tại phiên tòa việc các bị cáo H, H1 thay đổi lời khai là không có cơ sở, mà có căn cứ xác định bị cáo H làm tiền giả và bị cáo H1 có phụ giúp bị cáo H trong việc làm tiền giả; ngoài việc giúp sức cho bị cáo H làm tiền giả, bị cáo H1 có 01 lần dùng 40.000.000 đồng tiền thật mua 400.000.000 đồng tiền giả của bị cáo H, 01 lần nhận 240 tờ tiền Campuchia giả mệnh giá 50.000 Riel được quy đổi thành tiền Việt Nam là 68.280.000 đồng, 01 lần nhận 01 thùng caton tiền giả do bị cáo H cho. Sau khi có tiền giả bị cáo H1 nhờ con trai là bị cáo Trần Vũ K cất giữ 01 phần, phần còn lại trực tiếp cất giữ để mang đi tiêu thụ. Ngày 24/3/2022, bị cáo H1 sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để mua bánh của bà Phan Diệu L2 ở thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì bị phát hiện, bắt giữ. Nên Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo H1 phạm "Tội làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt tòa sơ thẩm phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, khi lượng hình tòa sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo H1.

[5] Đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Thị T1, xét: Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Ngọc H không thừa nhận việc có đưa cho bị cáo Bùi Thị T1 số tiền giả 45.000.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng; Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H cho rằng không nhớ có đưa tiền giả cho bị cáo T1 hay không? Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo H khai nhận "Khoảng tháng 4, tháng 5/2022, H có đến nhà của Bùi Thị T1 và đem theo máy photo màu, tại đây H dùng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng để photo màu ra khoảng 500.000 - 600.000 đồng tiền giả, sau khi photo xong H nói với T1 là cất tiền giả giùm cho H, khi nào có người mua thì Hoàng bán, H không có kêu T1 xài số tiền giả này. Sau đó không nhớ cụ

thể thời gian, H lấy khoảng 400.000 đồng trong số tiền giả loại 5.000 đồng được photo nêu trên để đem về Thành phố Hồ Chí Minh làm mẫu so sánh với tiền được photo bằng máy photo ở nhà H thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn lại khoảng 100.000 đồng H để lại cất giữ tại nhà T1. Khoảng tết nguyên đán năm 2022, tôi (H) có đem khoảng 45 triệu đồng tiền Việt Nam do tôi (H) photo ra (loại 500.000 đồng) về đưa cho bà Bùi Thị T1, nhờ bà T1 cất giữ giùm, tôi (H) chỉ kêu bà T1 cất giữ giùm chứ không kêu bà T1 sử dụng, tôi (H) chưa lấy lại số tiền giả loại 500.000 đồng này từ chỗ bà T1 vì tôi chưa có nhu cầu sử dụng (bút lục số 744, 745). Lần thứ hai tôi (H) đưa tiền mệnh giá 500.000 đồng cho bà T1 là tại nhà bà T1 khoảng cuối năm 2021, số tiền này cũng do tôi (H) photo màu ra tại nhà tôi (H) thuê ở số B, đường số H, L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tôi (H) mang về khoảng 45.000.000 đồng mệnh giá 500.000 đồng được xấp thành một cọc quấn trong miếng khăn giấy tôi (H) để trên đầu giường ngủ của bà T1, số tiền này bị lỗi, xấu nên tôi (H) không có kêu bà T1 lấy xài, sau đó bà T1 có mang 45.000.000 đồng này bỏ vào két sắt tại nhà T1, đến bây giờ bà T1 vẫn còn đang cất giữ số tiền này chưa trả lại cho tôi (H), tôi (H) không biết là T1 có sử dụng tiền mệnh giá 500.000 đồng photo này hay không vì T1 không có nói cho tôi (H) biết (bút lục số 754 755). Khoảng tết nguyên đán năm 2022, tôi (H) có đưa cho cô T1 cất giữ khoảng 45.000.000 đồng mệnh giá 500.000 đồng do tôi (H) photo màu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tôi (H) đưa tiền chỉ nhờ bà T1 cất giữ không nhờ bà T1 xài; việc tôi (H) photo tiền tại nhà cô T1 chứ cô T1 không làm (bút lục số 747)". Đối với bị cáo Bùi Thị T1, tại phiên tòa sơ thẩm có lúc bị cáo khai biết bị cáo H từ Thành phố Hồ Chí Minh về đưa tiền giả nên đem đi đốt, nhưng không đếm nên không biết số lượng bao nhiêu, có lúc khai khi đem tiền giả đi đốt có độ khoảng trên 40.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo T1 khai nhận "Bị cáo H đưa cho bị cáo (T) khoảng trên 40.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 500.000 đồng mỗi tờ, lúc bị cáo H đưa tiền khoảng 18 đến 19 giờ ngày 17 hoặc 18/01/2022, bị cáo Hoàng gói tiền giả vào khăn giấy ướt màu trắng, bị cáo nhìn là biết tiền giả, bị cáo không lấy, bị cáo H kêu bị cáo cất giùm cho bị cáo H. H để tiền giả này trên đầu két sắt trong phòng ngủ của bị cáo (T), sau đó bị cáo (T) lấy túi nilong màu đen bỏ số tiền này vào và cho vào két sắt khóa lại, có lấy cục đồng đè lên tờ tiền. Đến chiều 22/02/2022 H bỏ đi, khoảng 8 - 9 giờ ngày 23/02/2022 bị cáo (Tho) lấy tất cả số tiền giả mệnh giá 500.000 đồng do H đưa đem đi đốt hết; việc bị cáo (T1) nhận tiền cất giùm cho H và đem tiền đi đốt không ai chứng kiến (bút lục số 1598). Khoảng ngày 15, 16 tháng chạp (âm lịch) năm 2021, ông H đưa cho bị cáo (T) một xấp tiền và ông H nói là 45.000.000 đồng tiền Việt Nam giả mệnh giá 500.000 đồng, ông H để ở đầu giường ngủ của bị cáo T1 chứ không đưa trực tiếp và nói bị cáo T1 lấy xài đi, nhưng bị cáo T1 nói là không xài và kêu ông H mang về nhưng ông H vẫn bỏ lại ở đây, bị cáo T1 có khuyên ông H không nên xài tiền giả, bỏ ở đây được 03 ngày thì bị cáo T1 lấy bỏ vào két sắt khóa lại nhằm mục đích không muốn thấy số tiền giả này và không bị lòng tham lấy tiền xài. Đến ngày 22/01/2022 âm lịch, T1 lấy số tiền này bỏ ra ngoài lư hương trong phòng ngủ của T1 để sáng mang đi đốt. Sáng hôm sau khoảng 8 giờ, T1 đem số

tiền trên cho vào cái chum bằng đất nung mang ra trước cửa nhà đốt không ai nhìn thấy (bút lục số 1557)". Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T1 khai nhận có sử dụng 03 tờ tiền giả mệnh giả 5.000 đồng để đi mua rau ngoài chợ. Như vậy, căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, xét thấy tại phiên tòa việc các bị cáo H, T1 thay đổi lời khai là không có cơ sở, mà có căn cứ xác định bị cáo H có đưa cho bị cáo T1 45.000.000 đồng tiền giả, bị cáo T1 biết bị cáo H làm (in) tiền giả nhưng vẫn để cho bị cáo H làm tại nhà mình. Vì thế, Tòa sơ xác định: Với động cơ thu lợi bất chính, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến ngày 24/3/2022 với sự giúp sức của Bùi Thị T1, bị cáo Trần Ngọc H đã nhiều lần làm tiền giả. Sau khi làm được tiền giả, H đã 02 lần đưa cho Bùi Thị T1 cất giữ với số tiền 45.500.000 đồng từ đó Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Bùi Thị T1 phạm tội "làm, tàng trữ tiền giả" theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tỉnh tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết nào mới nên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1, giữ nguyên tội danh và hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T1.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo H, H1, T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Riêng bị cáo Đ là người cao tuổi nên được miễn.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Vũ K; về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc H, Trần Văn H1, Huỳnh Văn Đ và Bùi Thị T1; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

2. Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc H và Trần Văn H1 phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả"; bị cáo Huỳnh Văn Đ phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả"; bị cáo Bùi Thị T1 phạm tội "Làm, tàng trữ tiền giả";

2.1. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 18 (mười tám) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2022.

2.2. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 14 (mười bốn) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2022.

2.3. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s, o, t, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 10 (mười) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2022.

2.4. Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T1 05 (năm) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2022.

2.5. Tiếp tục tạm giam các bị cáo theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Ngọc H, Trần Văn H1, Bùi Thị T1 mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng; Riêng bị cáo Huỳnh Văn Đ không phải nộp.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Vũ K; về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng; về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- VKSND tỉnh Bến tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre.
Trại TG CA ỉnh Bến Tre "Để tống đạt cho các bị cáo" (5b)
- Lưu hs (2) vp (5) 33b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tửu**